TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/KDTM-ST
Ngày: 29-5-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đậu Thị Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quang Xẹt;

2. Bà Võ Thị Hồng Tươi.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Vũ Thị Thuyến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa***: Ông Phạm Văn Giáp - Kiểm sát viên.

Vào ngày 29 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 16/2023/TLST-KDTM ngày 14 tháng 02 năm 2023 về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST-KDTM ngày 24 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2023/QĐST-KDTM ngày 11 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH N; Địa chỉ: khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Vũ Thị Kim Á, sinh năm 1989; nơi cư trú: phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền. Có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH B; địa chỉ: khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Hữu T, sinh năm 1976 – Chức vụ: Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật. Vắng mặt lần 2 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 01 năm 2023, quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Vũ Thị Kim Á trình bày

Công ty TNHH N (nguyên đơn) có ký kết với Công ty TNHH B (bị đơn) hợp đồng kinh tế số 005 ngày 02/01/2022 với nội dung nguyên đơn cung cấp cho bị đơn hàng hoá là lò xo sợi, lò xo bao, lò xo túi…số lượng, mẫu mã và chủng loại sẽ được thể hiện cụ thể trên từng đơn đặt hàng của bị đơn.

Thực hiện hợp đồng kinh tế thì hai công ty tiến hành đơn đặt hàng và gia công, cụ thể từ tháng 8/2022 đến tháng 11/2022 nguyên đơn đã giao nhiều đơn hàng cho bị đơn, cụ thể:

- Lò xo túi 460*460*100*1.87*7=49 (đơn vị tính cái): Số lượng 1.384; đơn giá 36.750 đồng; Thành tiền 50.862.000 đồng;

- Lò xo túi 500*500*120*1.88*8=64 (đơn vị tính cái): Số lượng 788; đơn giá 49.152 đồng; Thành tiền 38.731.776 đồng.

Theo hoá đơn giá trị gia tăng số 44 ngày 24/8/2022. Cộng tiền hàng 89.593.775 đồng, tiền thuế GTGT 8.959.738 đồng, tổng tiền thanh toán 98.553.154 đồng.

- Lò xo túi 460*460*100*1.87*7=49 (đơn vị tính cái): Số lượng 5.107; đơn giá 36.750 đồng; Thành tiền 187.682.250 đồng;

- Lò xo túi 500*500*120*1.88*8=64 (đơn vị tính cái): Số lượng 2.224; đơn giá 49.152 đồng; Thành tiền 109.314.048 đồng.

Theo hoá đơn giá trị gia tăng số 60 ngày 23/9/2022. Cộng tiền hàng 296.996.298 đồng, tiền thuế GTGT 29.699.630 đồng, tổng tiền thanh toán 326.695.928 đồng.

- Lò xo túi 460*460*100*1.87*7=49 (đơn vị tính cái): Số lượng 4.858; đơn giá 35.280 đồng; Thành tiền 171.390.240 đồng;

- Lò xo túi 420*420*100*1.97*7=49 (đơn vị tính cái): Số lượng 8; đơn giá 36.162 đồng; Thành tiền 289.296 đồng;

- Lò xo túi 500*500*120*1.88*8=64 (đơn vị tính cái): Số lượng 972; đơn giá 47.232 đồng; Thành tiền 45.909.504 đồng;

- Lò xo túi 500*500*120*1.88*8=64 (đơn vị tính cái): Số lượng 340; đơn giá 49.152 đồng; Thành tiền 16.711.680 đồng

Theo hoá đơn giá trị gia tăng số 77 ngày 28/10/2022. Cộng tiền hàng 234.300.720 đồng, tiền thuế GTGT 23.430.072 đồng, tổng tiền thanh toán 257.730.792 đồng.

- Lò xo túi 460*460*100*1.87*7=49 (đơn vị tính cái): Số lượng 2.942; đơn giá 35.280 đồng; Thành tiền 103.793.760 đồng;

- Lò xo túi 500*500*120*1.88*8=64 (đơn vị tính cái): Số lượng 302; đơn giá 47.232 đồng; Thành tiền 14.264.064 đồng;

Theo hoá đơn giá trị gia tăng số 86 ngày 23/11/2022. Cộng tiền hàng 118.057.824 đồng, tiền thuế GTGT 11.805.782 đồng, tổng tiền thanh toán 129.863.606 đồng.

Tổng số tiền hàng hoá nguyên đơn đã gia công và giao cho bị đơn theo 04 hoá đơn giá trị gia tăng là 812.843.480 đồng.

Về hình thức thanh toán, thì nguyên đơn sẽ xuất hoá đơn tài chính cho bị đơn, bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn bằng chuyển khoản trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận hóa đơn.

Tuy nhiên bị đơn sau khi nhận được hàng không thực hiện đúng thoả thuận của hai bên, không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số nợ gốc là 812.843.480 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tạm tính là 40.479.605 đồng.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH N; Bản photo Hợp đồng kinh tế số 005 ngày 31/12/2022; Bản photo Phiếu xuất kho; Đơn đặt hàng; Bảng đối chiếu công nợ; Bản photo hoá đơn giá trị gia tăng số 86 ngày 02/01/2022; hoá đơn số 44 ngày 24/8/2022; hoá đơn số 60 ngày 23/9/2022; hoá đơn số 77 ngày 28/10/2022.

Tại phiên tòa:

1. Nguyên đơn cung cấp thêm các tài liệu: Bản in sổ phụ tài khoản tiền gửi không kỳ hạn của ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín; Bản tự khai bổ sung.

- Thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện: Về tiền hàng còn nợ, yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền hàng còn nợ từ 812.843.480 đồng xuống còn 557.633.510 đồng, với lý do trong quá trình đưa vụ án ra xét xử bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 255.209.970 đồng. Về tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền lãi chậm thanh toán sau 60 ngày kể từ ngày xuất hoá đơn giá trị gia tăng sau cùng (Hoá đơn giá trị gia tăng số 86 ngày 23/11/2022) cho đến ngày xét xử, với mức lãi suất 0,83%, trên số tiền hàng còn nợ là 557.633.510 đồng, tương đương số tiền 19.232.523 đồng.

Tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán là: 576.866.033 đồng.

- Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy

định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được công bố tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá". Buộc bị đơn Công ty TNHH B phải thanh toán cho nguyên đơn Công ty TNHH N số nợ gốc là 557.633.510 đồng, lãi là số tiền 19.232.523 đồng.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu thanh toán số tiền nợ theo hợp đồng kinh tế, đây là tranh chấp giữa hai chủ thể kinh doanh là thương nhân và đều nhằm mục đích lợi nhuận nên quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá" theo khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Về thẩm quyền: Theo hợp đồng hai bên giao kết, các bên có thoả thuận nếu phát sinh tranh chấp thì đưa lên Tòa án kinh tế tỉnh Bình Dương giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu Toà án nhân dân thành phố Tân Uyên nơi có trụ sở bị đơn giải quyết. Bị đơn có trụ sở tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Tân Uyên.

[1.3] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.4] Xét thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại phiên toà nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền nợ và tiền lãi buộc bị đơn phải thanh toán, cụ thể số tiền nợ 812.843.480 đồng xuống còn 557.633.510 đồng, tiền lãi 40.479.605 đồng xuống còn 19.232.523 đồng. Việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận theo khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cung cấp cho Toà án Hợp đồng kinh tế số 005 ngày 02/01/2022 được ký

kết giữa nguyên đơn và bị đơn với nội dung là nguyên đơn cung cấp cho bị đơn hàng hoá là lò xo sợi, lò xo bao, lò xo túi…số lượng, mẫu mã và chủng loại sẽ được thể hiện cụ thể trên từng đơn đặt hàng của bị đơn, về hình thức thanh toán, thì nguyên đơn sẽ xuất hoá đơn tài chính cho bị đơn, bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn bằng chuyển khoản trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận hóa đơn. Do đó, Hợp đồng giữa nguyên đơn và bị đơn thể hiện ý chí thỏa thuận tự nguyện của hai bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải tôn trọng thực hiện.

[2.2] Về nghĩa vụ thanh toán: Quá trình thực hiện hợp đồng nguyên đơn đã giao đầy đủ hàng hoá theo các đơn đặt hàng của bị đơn và nguyên đơn đã xuất các hoá đơn giá trị gia tăng số 86 ngày 23/11/2022; hoá đơn số 44 ngày 24/8/2022; hoá đơn số 60 ngày 23/9/2022; hoá đơn số 77 ngày 28/10/2022 với tổng số tiền là 812.843.480 đồng. Tuy nhiên, sau khi nhận hàng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn. Theo biên bản xác minh ngày 18/4/2023 của Chi cục Thuế khu vực Tân Uyên thể hiện, các hoá đơn giá trị gia tăng nêu trên bị đơn có kê khai, khấu trừ thuế giá trị gia tăng. Việc bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là trái quy định tại Điều 50, 55 Luật Thương mại. Tại phiên toà, nguyên đơn cung cấp các bản in sổ phụ tài khoản tiền gửi không kỳ hạn của ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín và theo nội dung của bản tự khai bổ sung thì đến tại thời điểm mở phiên toà bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn được số tiền 255.209.970 đồng, số tiền còn nợ chưa thanh toán là 557.633.510 đồng. Do đó, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền hàng còn nợ 557.633.510 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Về tiền lãi chậm thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền lãi chậm thanh toán sau 60 ngày kể từ ngày xuất hoá đơn giá trị gia tăng sau cùng (Hoá đơn giá trị gia tăng số 86 ngày 23/11/2022) cho đến ngày xét xử, với mức lãi suất 0,83%, trên số tiền hàng còn nợ là 557.633.510 đồng, tương đương số tiền 19.232.523 đồng. Xét thấy, Hợp đồng kinh tế số 005 ngày 02/01/2022 các bên không thoả thuận lãi suất chậm thanh toán, theo quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả. Căn cứ vào mức lãi suất bình quân lãi suất của ba ngân hàng là Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Thương mại cổ phần thương tín Sài Gòn, Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam thì mức lãi suất 0.83%/năm theo yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp. Mặc dù đến ngày 15/5/2023, bị đơn mới thanh toán cho nguyên đơn số tiền 255.209.970 đồng, tuy nhiên bị đơn tự nguyện yêu cầu tính tiền lãi trên số tiền nợ còn lại là 557.633.510 đồng từ ngày 24/01/2023. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu, buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán với mức lãi suất là 0.83%/năm, với số tiền 19.232.523 đồng.

[3] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên chấp nhận.

[4]. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm: Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ

- Khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 227; Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 50; Điều 55; Điều 306; Điều 319 của Luật thương mại;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-NĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH N đối với bị đơn Công ty TNHH B về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá".

Buộc Công ty TNHH B có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH N số tiền là 576.866.033 đồng (Năm trăm bảy mươi sáu triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn không trăm ba mươi ba đồng), trong đó nợ gốc là 557.633.510 đồng, lãi suất chậm thanh toán là 19.232.523 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH B phải chịu 27.065.340 đồng (Hai mươi bảy triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi đồng) tiền án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm.

- Trả lại cho Công ty TNHH N số tiền 18.799.846 đồng (Mười tám triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn tám trăm bốn mươi sáu đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0006700 ngày 13/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- THADS thành phố Tân Uyên;
- Đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đậu Thị Loan